Phụ lục 66
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ CHÂU PHONG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 7, 8, 9, 13, 16, 18, 19, 21, 22, 27, 33, 34, 35, 31, 37 Phụ lục 66 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL66 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	7	Đường tỉnh 953		Sửa tên đường (Tên cũ: Tỉnh lộ 953)
2	8	Đường tỉnh 951: đoạn từ đường tỉnh 953 đến giáp ranh xã Hòa Lạc	624	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 951: đoạn từ đường tỉnh 953 đến giáp ranh xã Phú Hiệp)
3	9	Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1): từ ranh phường Long Phú - suốt tuyến	2.014	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1): từ ranh xã Long Phú - Đường dẫn Cầu Châu Đốc)
4	13	Đường nhựa và tuyến dân cư Tây Kênh Đào: từ kênh Vĩnh An đến ranh xã Tân An	482	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Tây Kênh Đào: từ kênh Vĩnh An đến ranh xã Tân An)
5	16	Đường bê tông, Đường đất kênh 26/3 (suốt tuyến)	241	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường đất kênh 26/3 (suốt tuyến))

TT	Số TT PL66 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6	18	Tuyến dân cư Vĩnh Thạnh 2 + Nối dài	638	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu dân cư Vĩnh Thạnh 2 + Nối dài)
7	19	Đường cộ Km9 - Phú Hữu 2 (Đường tỉnh 953 - Kênh 26/3)	559	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư ấp Phú Hữu: Đường tỉnh 953 đến Kênh 26/3)
8	21	Đường cộ ông Ba Phận: từ Đường tỉnh 953 đến Kênh 26/3	250	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cộ ông Ba Phận: từ Tỉnh lộ 953 đến Kênh 26/3)
9	22	Đường cộ Mương Tri: từ Đường tỉnh 953 đến Kênh 26/3	239	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cộ Mương Tri: từ Tỉnh lộ 953 đến Quốc lộ N1)
10	27	Tuyến dân cư Phũm Soài + Mở rộng	936	Sửa tên đường (Tên cũ: Cụm dân cư Phũm Soài + Mở rộng)
11	33	Tuyến dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở Sông Hậu giai đoạn 1: Suốt tuyến	1.560	Sửa tên đường (Tên cũ: TDC di dời khẩn cấp: Suốt tuyến)
12	34	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	344	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
13	35	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	275	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	37	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL66 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	I	Khu vực: ấp Phú An A, ấp Phú An B, ấp Phú Hưng, ấp Phú Bình		
	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Đường tỉnh 953	117	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 953);
	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Đường tỉnh 953	174	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 953);
2	II	Khu vực: ấp Phú Hữu 1, Phú Hữu 2, Vĩnh Thạnh 1, Vĩnh Thạnh 2		
	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Đường tỉnh 953	109	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 953);
	2	Đất trồng cây lâu năm		

TT	Số TT PL66 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		- Đường tỉnh 953	174	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 953);
3	III	Khu vực: ấp Vĩnh Lợi 1, Vĩnh Lợi 2, Vĩnh Tường 1, Vĩnh Tường 2, Phũm Soài, Hoà Long, Châu Giang, Hoà Thạnh		
	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Đường tỉnh 951, 953	108	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 951, 953);
		Các tuyến giao thông nội đồng		
		Đường cộ Kênh Đòn Dong (Đường cộ 6 Nốp - Đường cộ 30/4); Đường cộ 6 Nốp (Đường tỉnh 951 - Đường cộ Kênh Đòn Dong); Đường cộ số 1; Đường cộ số 5; Đường cộ số 10; Đường Cộ Chùa	95	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cộ Kênh Đòn Dong (Đường cộ 6 Nốp - Đường cộ 30/4); Đường cộ 6 Nốp (Đường tỉnh 951 - Đường cộ Kênh Đòn Dong); Đường cộ số 1; Đường cộ số 5; Đường cộ số 10);
	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Đường tỉnh 951, 953	161	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 951, 953);
		Các tuyến giao thông nội đồng		

TT	Số TT PL66 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Đường cộ Kênh Đòn Dong (Đường cộ 6 Nốp - Đường cộ 30/4); Đường cộ 6 Nốp (Đường tỉnh 951 - Đường cộ Kênh Đòn Dong); Đường cộ số 1; Đường cộ số 5; Đường cộ số 10; Đường Cộ Chùa	117	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cộ Kênh Đòn Dong (Đường cộ 6 Nốp - Đường cộ 30/4); Đường cộ 6 Nốp (Đường tỉnh 951 - Đường cộ Kênh Đòn Dong); Đường cộ số 1; Đường cộ số 5; Đường cộ số 10);
II	**BỔ SUNG**			
1	I	Khu vực: ấp Phú An A, ấp Phú An B, ấp Phú Hưng, ấp Phú Bình		
	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1)	117	Bổ sung
	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1)	174	Bổ sung
2	II	Khu vực: ấp Phú Hữu 1, Phú Hữu 2, Vĩnh Thạnh 1, Vĩnh Thạnh 2		
	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1)	109	Bổ sung

TT	Số TT PL66 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1)	174	Bổ sung
3	III	Khu vực: ấp Vĩnh Lợi 1, Vĩnh Lợi 2, Vĩnh Tường 1, Vĩnh Tường 2, Phũm Soài, Hoà Long, Châu Giang, Hoà Thạnh		
	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1)	108	Bổ sung
		Đường dẫn Cầu Châu Đốc: Từ cầu Châu Đốc - Đường tỉnh 953	108	Bổ sung
	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1)	161	Bổ sung
		Đường dẫn Cầu Châu Đốc: Từ cầu Châu Đốc - Đường tỉnh 953	177	Bổ sung